

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 6 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Văn Soi
2. Ông Phạm Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2021/TLST ngày 13/12/2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QDST HNGĐ ngày 20/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn T - sinh năm 1989; địa chỉ: ấp 7B1, xã VTh, huyện VT, tỉnh H (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị T1 – sinh năm 1988; địa chỉ: ấp 7B1, xã VTh, huyện VT, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:

Tôi và vợ tôi bà Trần Thị T1 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 16/3/2018, tại Ủy ban nhân dân xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ tôi đã đi làm ở Hàn Quốc (nhưng không rõ địa chỉ), lâu lâu có điện thoại về hỏi

thăm tôi, vợ tôi có yêu cầu tôi nộp đơn ly hôn, tôi có điện thoại cho vợ tôi biết là tôi nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, vợ tôi cũng đồng ý ly hôn nhưng không có về Việt Nam để tham gia tố tụng. Nhận thấy, từ lúc vợ tôi bỏ đi nước ngoài đến nay vợ chồng không còn quan tâm nhau, cuộc sống vợ chồng không còn như trước, mục đích hôn nhân không đạt, tôi không còn tình cảm với vợ tôi nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Không có; về nợ chung: Không có; về tài sản chung chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong trường hợp không thỏa thuận được, tôi sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Trần Thị T1 vắng mặt, chưa ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Phan Văn T khởi kiện bà Trần Thị T1 yêu cầu được ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn T và bà Trần Thị T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống giữa ông T và bà T1 phát sinh mâu thuẫn, ông T xác định nguyên nhân là do bà T1 đã bỏ đi làm ở Hàn Quốc, vợ chồng xa cách, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên không còn tình cảm. Ông T và bà T1 không còn chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Xét thấy, quá trình tố tụng thể hiện: Bà Trần Thị T1 đã bỏ đi nước ngoài từ năm 2019 cho đến nay, có liên lạc về gia đình thông qua điện thoại, qua xác minh tại địa phương, gia đình bà T1 từ chối cung cấp thông tin địa chỉ của bà T1 đồng thời từ chối nhận văn bản tố tụng, với lý do bà T1 có dặn không được nhận bất cứ văn bản tố tụng nào từ Tòa án. Từ đó, thể hiện mâu thuẫn giữa ông T và bà T1 là trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, hôn nhân không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[4] Về con chung; nợ chung: Ông T xác định không có; về tài sản chung ông

T xác định tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trong trường hợp các đương sự không thỏa thuận được, các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông Phan Văn T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn T được ly hôn với bà Trần Thị T1.

Về án phí: ông Phan Văn T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí ông Phan Văn T đã nộp theo biên lai số 0002636 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành tiền án phí (ông Phan Văn T đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Vị Thanh, h. Vị Thủy;
- Công TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diệu

